

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày: 16/12/2025
“V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng,
Hợp đồng thế chấp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:	1. Ông Lê Quang Thanh 2. Ông Nguyễn Hồng Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên

Trong ngày 16/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2025/TLST-DS ngày 30/7/2025, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2025/QĐXXST-DS ngày 05/11/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2025/QĐST-DS ngày 28/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc T – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: khóm B, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1939; (cha của ông T)

2/ Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1971; (chị của ông T)

3/ Chị Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1997; (con của bà Bé N)

Cùng địa chỉ: khóm B, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q là bà Lê Thị Ngọc T trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q - CN Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là VIB) đã ký với ông Nguyễn Văn T Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 104292296.24 ngày 02/02/2024;

Số tiền vay: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán xoài lá

Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 03/02/2025.

Lãi suất vay: tại thời điểm giải ngân 9.00%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là 10.50%/năm) và chỉ áp dụng trong 9 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 2.00%/năm. Thông tin về Lãi suất cơ sở tại từng thời kỳ được thông báo công khai trên website của VIB và hoặc theo hình thức thông báo khác do VIB quyết định trong từng thời kỳ.

- Trả nợ gốc: Trả vào cuối kỳ;

- Trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 25;

Trả phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ;

- Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 25/03/2024, VIB đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho Ông Nguyễn Văn T chi tiết số thẻ như sau 513094*****8404; Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; Lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 11861, tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Phường 6, thành phố Cao Lãnh (nay là khóm Bến Bắc, phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DK 955678, số vào sổ cấp GCN: CS09881 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/5/2023, đứng tên ông Nguyễn Văn T. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp số: 0040195.24.644 ngày 02/02/2024, số công chứng: 538, Quyền số: 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, Tỉnh Đồng Tháp công chứng ngày 02/02/2024. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 03/02/2024, VIB hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn T với số tiền 1.800.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 104300061.24 ngày 03/02/2024 theo đúng yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và phù hợp với quy định tại hợp đồng.

Đến ngày 15/12/2025, ông Nguyễn Văn T chỉ trả được số tiền 63.468.493 đồng (Trong đó: tiền gốc 00 đồng và tiền lãi là 63.468.493 đồng). Khoản nợ của ông Nguyễn Văn T đã chuyển sang quá hạn từ ngày 15/7/2024.

Tạm tính đến ngày 15/12/2025, ông Nguyễn Văn T còn nợ VIB với tổng số tiền là 2.323.018.407 đồng gồm tiền gốc và lãi.

Nay VIB yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 15/12/2025 là: 2.323.018.407 đồng bao gồm:

Đơn vị: Đồng					
HDTD/Thẻ	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Phí	Tổng
104292296.24	1.800.000.000	101.219.177	233.029.121	0	2.134.248.298
Đề nghị phát hành thẻ ngày 25/03/2024	98.561.000	0	50.415.991	39.793.118	188.770.109
Tổng	1.898.561.000	101.219.177	283.445.112	39.793.118	2.323.018.407

Ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 16/12/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng (HĐTD) và hợp đồng thế chấp (HĐTC).

- Yêu cầu tòa án công nhận và tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0040195.24.644 ngày 02/02/2024, số công chứng: 538, Quyền số: 01/2024 TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, tỉnh Đồng Tháp công chứng ngày 02/02/2024.

- Kể từ ngày Bản án Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn T không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB được tự mình và/hoặc có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 11851, tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Phường 6, thành phố Cao Lãnh (nay là khóm Bến Bắc, phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DK 955678, số vào sổ cấp GCN: CS09881 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/05/2023, đứng tên ông Nguyễn Văn T theo HĐTC.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Nguyễn Văn T với VIB. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông Nguyễn Văn T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho VIB.

*** Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản ghi ý kiến, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.**

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông T trả cho Ngân hàng số tiền 2.323.018.407 đồng. Trường hợp ông T không trả, hoặc trả không đầy đủ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản*”. Bị đơn cư trú tại thành phố Cao Lãnh (nay là phường Cao Lãnh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng số tiền đã vay gốc là 2.323.018.407 đồng (tạm tính đến ngày 15/12/2025).

Căn cứ cho yêu cầu của nguyên đơn là Hợp đồng tín dụng số: 104292296.24 ngày 02/02/2024; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 25/03/2024.

Xét Hợp đồng tín dụng số 104292296.24 ngày 02/02/2024 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T, được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc, tiền tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho

đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, Án lệ 08/2016/AL; Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ngoài ra Ngân hàng còn cho ông T đăng ký sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 25/3/2024. Ngân hàng đã cấp thẻ cho ông T với số thẻ 513094*****8404. Đối với thẻ tín dụng. Ông T còn thiếu số tiền nợ gốc 98.561.000 đồng + Nợ lãi quá hạn: 50.415.991 đồng + Phí: 39.793.118 đồng. Tổng cộng: 188.770.109 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt, như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh, phản bác đối với ý kiến của nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên ông T phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định nên chấp nhận.

Cụ thể ông T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tổng cộng: 2.323.018.407 đồng. Bao gồm:

Đơn vị: Đồng					
HDTD/Thẻ	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Phí	Tổng
104292296.24	1.800.000.000	101.219.177	233.029.121	0	2.134.248.298
Đề nghị phát hành thẻ ngày 25/03/2024	98.561.000	0	50.415.991	39.793.118	188.770.109
Tổng	1.898.561.000	101.219.177	283.445.112	39.793.118	2.323.018.407

[2.3] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo cho khoản vay trên ông T ký hợp đồng thế chấp số: 0040195.24.644 ngày 02/02/2024. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 11861, tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Phường 6, thành phố Cao Lãnh (nay là khóm Bến Bắc, phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DK 955678, số vào sổ cấp GCN: CS09881 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/05/2023, đứng tên ông Nguyễn Văn T. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng: 538, Quyền số: 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, Tỉnh Đồng Tháp công chứng ngày 02/02/2024.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp giữa các được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký thế chấp theo quy định, tuân thủ đúng quy định tại Điều 117, 119, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 188 Luật đất đai 2013 nên có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, tại buổi thẩm định, bà Bé N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày, trên phần đất thế chấp có căn nhà cấp 4 ông T đang ở có tiền của bà góp vô xây dựng, nhưng bà không có tranh chấp với ông T. Tòa án cũng đã thông báo cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp đơn khởi kiện nếu có yêu cầu tranh chấp, tuy nhiên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu.

Tại khoản 3.1.2. của Hợp đồng thế chấp có quy định: Tài sản thế chấp theo hợp đồng này bao gồm....các công trình xây dựng phụ trợ thuộc sở hữu của bên B, tất cả vật phụ gắn với Hợp đồng thế chấp, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 318 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, trong trường hợp ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với ý kiến của bà Bé N bà có hùn tiền xây dựng căn nhà trên đất, nhưng bà không có nộp đơn yêu cầu tranh chấp với ông T. Do đó, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích trên, nên được chấp nhận.

[4] *Án phí và chi phí tố tụng:*

- Án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, do ông T phải trả số tiền còn thiếu cho ngân hàng là: 2.323.018.407 đồng nên phải chịu 78.460.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 1.000.000 đồng: Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, do Ngân hàng đã tạm ứng số tiền này nên ông T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 1.000.000 đồng cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, 157, Điều 201; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Điều 117, 119, 299, 317, 318, 319, 321 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*";

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 15/12/2025 là 2.323.018.407 đồng (hai tỷ ba trăm hai mươi ba triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm lẻ bảy đồng). Cụ thể:

Đơn vị: Đồng					
HDTD/Thẻ	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Phí	Tổng
104292296.24	1.800.000.000	101.219.177	233.029.121	0	2.134.248.298
Đề nghị phát hành thẻ ngày 25/3/2024	98.561.000	0	50.415.991	39.793.118	188.770.109
Tổng	1.898.561.000	101.219.177	283.445.112	39.793.118	2.323.018.407

Kể từ ngày xét xử 16/12/2025 cho đến khi ông Nguyễn Văn T thanh toán xong các số tiền còn thiếu cho Ngân hàng, ông T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn và tiền phí trên số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 104292296.24 ngày 02/02/2024; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 25/3/2024.

3/ Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0040195.24.644 ngày 02/02/2024, số công chứng: 538, Quyền số: 01/2024 TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, tỉnh Đồng Tháp công chứng ngày 02/02/2024 được ký giữa Ngân hàng VIB và ông Nguyễn Văn T. Trường hợp ông T không trả, hoặc trả không đầy đủ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 78.460.000 đồng.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.297.000 đồng theo biên lai thu số 0000968 ngày 30/7/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp

5/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng: ông T có nghĩa vụ trả lại số tiền 1.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Q

6/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 –

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV6;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- THADS Tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng